

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 749/2023/HC-PT

Ngày 09 - 10 - 2023

V/v khởi kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Ông Phạm Đình Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuyền, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 543/2023/TLPT-HC ngày 19 tháng 7 năm 2023 về “*Khởi kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2023/HC-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11053/QĐ-PT ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1963 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1962;

Cùng cư trú: Khu tập thể N, Bộ Tư lệnh Quân khu C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; ông C, bà T có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T1 và ông Đinh Phú M - Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, ông T1, ông M có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện T, thành phố Hải Phòng;

Địa chỉ: Số E đường Đ, Thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy H, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn V, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

** Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Huy C, bà Hoàng Thị T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày như sau:

Ngày 18/5/2022 UBND huyện T ban hành Quyết định số 9832/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 9832) về việc thu hồi diện tích 159,3m² đất của gia đình ông Nguyễn Huy C và bà Hoàng Thị T; đồng thời cùng ngày UBND huyện T ban hành Quyết định số 9833/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 9833) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và kèm theo Phương án số 18/PA-TCT. Ngày 15/6/2022 UBND huyện T ban hành Quyết định số 10902/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 10902) về việc điều chỉnh Quyết định số 9832; đồng thời ngày 22/6/2022 UBND huyện T ban hành Quyết định số 11209/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 11209) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và phương án số 01/PA-TCT đi kèm.

Không đồng ý với các quyết định hành chính nêu trên, ông Nguyễn Huy C và bà Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 10902, Quyết định 9832; hủy một phần Quyết định 9833, Quyết định 11209; yêu cầu UBND huyện T phải bồi thường cho gia đình ông C, bà T số tiền đất là 8.000.000 đồng/m² x 100m² = 800.000.000 đồng và 100% giá trị vật, kiến trúc trên đất và giao cho gia đình ông bà 01 lô đất tái định cư.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông Nguyễn Huy C là chủ sở hữu, sử dụng diện tích 100m² đất ở và tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 161 tờ bản đồ số 08 tại thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc diện tích đất là của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1935; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng chuyển nhượng cho vợ chồng ông C, bà T vào ngày 12/9/2002 có xác nhận của UBND xã T, huyện T, Hải Phòng. Hiện toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất đã bị UBND huyện T thu hồi để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Khu đô thị M.

Căn cứ Quyết định số 9832/QĐ-UBND thì UBND huyện T thu hồi diện tích 159,3m² đất của ông bà nhưng tại Phương án bồi thường, hỗ trợ số 18/PA-TCT ngày 18/5/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T xác định nguồn gốc đất của gia đình ông bà là “Đất do ông Nguyễn Huy C sử dụng trồng cây trước ngày 01/7/2004 không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất. Bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại theo hiện trạng sử dụng đất trồng cây lâu năm”. Số tiền bồi thường cho vợ chồng ông bà là 3.983.800 đồng. Trong đó số tiền bồi thường về đất đai là 2.548.800 đồng; số tiền bồi thường cây cối hoa màu là 1.435.000 đồng. Như vậy, UBND huyện T bồi thường, hỗ trợ thu hồi diện tích đất nêu trên là không đúng xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của ông bà.

Sau đó ông bà có khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện T nhưng không có văn bản trả lời.

Ngày 15/6/2022, UBND huyện T tiếp tục ban hành Quyết định số 10902/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định 9832, theo quyết định này thì UBND huyện T điều chỉnh việc thu hồi đất của ông bà từ thu hồi diện tích 159,3m² thành thu hồi diện tích 100m², lý do điều chỉnh nguồn gốc sử dụng đất. Ngày 22/6/2022, Ủy ban nhân dân huyện T tiếp tục ban hành Quyết định số 11209/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên, quyết định này không gửi cho gia đình ông bà mà chỉ giao phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ số 01/PA-TCT. Theo quyết định và phương án bồi thường này thì toàn bộ diện tích đất, vật kiến trúc và tài sản trên đất của gia đình ông, bà không được bồi thường, hỗ trợ với lý do tài sản được tạo lập sau thời điểm có thông báo thu hồi đất.

Việc UBND huyện T đưa ra các chứng cứ nêu trên là không đúng vì thực tế sau khi chuyển nhượng gia đình ông bà đã ăn ở sử dụng diện tích nêu trên và không có tranh chấp với bất kỳ tổ chức, cá nhân. Năm 2016 do bão gió căn nhà xuống cấp nên vợ chồng ông bà đã xây lại 01 gian nhà cấp 4 cùng công trình phụ trên nền móng ngôi nhà cũ của bà N. Ngoài ra cùng thửa đất của bà Nguyễn Thị N chuyển nhượng cho ông bà và cho con gái là Ngô Thị L nhưng chị L lại được bồi thường về đất và tài sản trên đất và được cấp suất tái định cư. Trong khi đó ngoài thửa đất gia đình ông bà bị thu hồi thì không còn thửa đất nào khác. Vợ chồng ông bà hiện vẫn đang ở nhờ tại khu nhà tập thể diện tích 30m² tại khu tập thể 295 thuộc Cục C1 được xây dựng từ năm 1950 để bám trụ và sinh hoạt.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp ông bà đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung nêu trên.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Hộ ông Nguyễn Huy C không cung cấp được các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *“Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất”*

Theo báo cáo của UBND xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng thì đất do ông Nguyễn Huy C, bà Hoàng Thị T sử dụng là đất trồng cây từ trước ngày 01/7/2004.

Tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ quy định: Đối với đường

tính từ mép chân mái đường đắp và từ mép đỉnh mái đường đào, hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hay rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên cụ thể:

+ Hệ thống đường quốc lộ là 20m.

+ Hệ thống đường tỉnh là 10m.

Tại Công văn số 598-GTĐT ngày 09/9/2015 của Sở G về việc cấm cọc mốc chỉ giới và quản lý cọc trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ; thông báo số 48-TB/UB ngày 09/7/2014 của UBND huyện T về việc tiếp tục thực hiện chỉ giới hành lang đường giao thông trên địa bàn huyện T. Theo đó xác định phạm vi đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ tính từ tim đường hiện trạng ra hai bên của đường quốc lộ là 26m.

Ngày 23/01/2006 Bộ giao thông vận tải ban hành Quyết định số 273/QĐ-BGTVT điều chỉnh quốc lộ E và quốc lộ A thuộc địa phận thành phố Hải Phòng. Theo đó, quốc lộ A (đoạn từ ngã tư T đến B) chuyển đổi thành tỉnh lộ 359. Ngày 11/12/2014 Hội đồng nhân dân thành phố H ban hành Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐTP về duyệt quy hoạch giao thông vận tải đường bộ thành phố Hải Phòng đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; trong đó xác định đường tỉnh lộ 359B quy mô cấp IV, 2 làn xe nên chỉ giới hành lang an toàn giao thông tính từ tim đường hiện trạng ra hai bên của tỉnh lộ 359B là 18,5m.

Căn cứ thời điểm sử dụng đất của ông C, bà T, Ủy ban nhân dân huyện T xác định trong tổng diện tích 159,3m² đang sử dụng tại thửa số 161 tờ bản đồ số 08 có; trong đó: 55,9m² đất thuộc phạm vi 18,5m hành lang Tỉnh lộ 359 (tính từ tim đường) không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở, không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định; diện tích 37,3m² đất thuộc phạm vi điều chỉnh từ 26,0m còn 18,5m hành lang tỉnh lộ 359 (tính từ tim đường) không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở không đủ điều kiện được bồi thường về đất quy định; diện tích 66,1m² xác định theo mục đích hiện trạng sử dụng đất là trồng cây lâu năm.

- Về chính sách tái định cư: Căn cứ khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.*

Tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định”.*

Trên diện tích đất gia đình ông Nguyễn Huy C, bà Hoàng Thị T bị thu hồi có 01 căn nhà diện tích 24,5m² được xác định là xây dựng sau thời điểm UBND

huyện T ban hành thông báo số 113/TB-UBND ngày 17/4/2017 về việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng. Thực tế ông Nguyễn Huy C, bà Hoàng Thị T không ăn ở trên diện tích đất bị thu hồi, không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi nên không thuộc trường hợp được giao đất vào khu tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy C, bà Hoàng Thị T.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2023/HC-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 347, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 69, Điều 75, Điều 76, Điều 79, Điều 83 Luật Đất đai;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy C và bà Hoàng Thị T về việc Hủy Quyết định số 10902/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND huyện T về việc điều chỉnh Quyết định số 9832/QĐ-UBND ngày 18/5/2022; Hủy một phần Quyết định số 11209/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và phương án số 01/PA-TCT đi kèm; Hủy Quyết định số 9832/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Hủy một phần Quyết định số 9833/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Phương án số 18/PA-TCT đi kèm, Quyết định 10903/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh giảm bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ ông Nguyễn Huy C và đề nghị UBND huyện T xem xét bồi thường cho gia đình ông C, bà T số tiền đất là $8.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 100\text{m}^2 = 800.000.000 \text{ đồng}$ và 100% giá trị vật, kiến trúc trên đất cũng như cấp cho gia đình ông C, bà T 01 lô đất tái định cư có thu tiền.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí, tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Huy C và bà Hoàng Thị T, với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phía người khởi kiện trình bày: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết không khách quan, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; nguồn gốc thửa đất ông C, bà T sử dụng là do nhận chuyển nhượng nhà đất của bà Nguyễn Thị N; đất bà N sử dụng ổn định từ trước năm 1980, sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông C, bà T sửa chữa lại nhà tiếp tục sử dụng để ở; đến năm 2008 xây tường rào và năm 2016 do bão nhà xuống cấp nên gia đình ông C mới làm lại nhà mới. Trên thửa đất tại thời điểm thu hồi đất chỉ có duy nhất một cây xoan, không có các cây trồng khác,

nhưng UBND huyện T lại xác định là đất trồng cây lâu năm là không đúng với thực tế; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông C và bà T.

Những người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của phía người khởi kiện trình bày:

- *Luật sư Đinh Phú M trình bày:* Nguồn gốc thửa đất là của bà Nguyễn Thị N sử dụng để xây nhà ở ổn định từ trước năm 1980 sau đó chuyển nhượng lại cho ông C, bà T; sau khi nhận chuyển nhượng ông bà trực tiếp quản lý, sử dụng ở trên đất, nhưng do tính chất công việc nên ông C, bà T phải ở tập thể của cơ quan, nhưng vẫn thường xuyên đi về ở trên thửa đất. Quá trình sử dụng do nhà xuống cấp nên năm 2016 ông C, bà T phá nhà cũ để xây dựng nhà mới như hiện nay. Năm 2017, UBND huyện T mới có thông báo thu hồi đất, nhưng thông báo không gửi cho ông C, bà T; việc UBND huyện T cũng như Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất là đất trồng cây lâu năm là thiếu căn cứ. Vì trên đất chỉ có duy nhất một cây xoan; quá trình sử dụng ông C, bà T không bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng đất trái phép. Do đó, việc UBND huyện T ban hành các quyết định hành chính là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của ông C và bà T.

Trong quá trình sử dụng đất, tuy ông C, bà T không kê khai, đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng theo quy định tại Điều 100 và Điều 101 Luật Đất đai thì đất của ông C, bà T đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại thời điểm thu hồi đất, gia đình ông bà không có chỗ ở nào khác trên địa bàn, mà đang phải ở nhờ tại khu tập thể của Quân khu C1 đã xuống cấp nghiêm trọng, nên ông bà đủ điều kiện để được cấp 01 suất đất tái định cư; tài sản trên đất phải được bồi thường, phía UBND huyện T cho rằng ông C, bà T xây dựng nhà sau khi có thông báo thu hồi đất, nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.

Từ các phân tích trên, Luật sư M cho rằng có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T.

- *Luật sư Nguyễn Văn T1 trình bày:* Nhất trí với ý kiến trình bày của Luật sư M. Bản án sơ thẩm chưa xem xét thấu đáo các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; đất của ông C, bà T được tách ra cùng một thửa đất với một số hộ gia đình khác, nhưng những gia đình khác lại được bồi thường 100%, còn gia đình ông C lại không được bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của phía người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là các quyết định hành chính của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng, gồm: Quyết định số 9832/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 9833/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Phương án số 18/PA-TCT đi kèm; Quyết định số 10902/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND huyện T về việc điều chỉnh Quyết định số 9832/QĐ-UBND ngày 18/5/2022; Quyết định số 11209/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và phương án số 01/PA-TCT đi kèm; đồng thời đề nghị UBND huyện T xem xét bồi thường cho gia đình ông C, bà T số tiền đất là $8.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 100\text{m}^2 = 800.000.000 \text{ đồng}$ và 100% giá trị vật, kiến trúc trên đất và bố trí cho gia đình ông C, bà T 01 lô đất tái định cư có thu tiền. Đây là những quyết định hành chính cá biệt và hành vi hành chính của UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai, nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 22/6/2022 UBND huyện T ban hành Quyết định 11209, đến ngày 11/7/2022 ông Nguyễn Huy C và bà Hoàng Thị T có đơn khởi kiện vụ án hành chính là đang trong thời hạn một năm, nên thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Ngoài các quyết định bị khởi kiện thì mặc dù người khởi kiện không khởi kiện Quyết định số 10903/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh giảm bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ ông Nguyễn Huy C, nhưng đây là quyết định hành chính có liên quan, nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của quyết định này là đúng quy định.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, một số đương sự vắng mặt, nhưng đã được triệu tập hợp lệ, hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 225 Luật Tố tụng hành chính. Quá

trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Huy C, bà Hoàng Thị T đề nghị Tòa án đưa anh Nguyễn Huy H1, sinh năm 1994 là con của ông bà tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Xét thấy tại thời điểm mua bán, chuyển nhượng giữa vợ chồng ông bà và bà N thì anh H1 còn nhỏ không có công sức đóng góp vào việc chuyển nhượng của ông bà. Hơn nữa các quyết định hành chính có liên quan và phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện T không làm phát sinh đến quyền lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Huy H1. Anh H1 cũng không thực tế ăn ở, sinh sống tại thửa đất bị thu hồi. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Nguyễn Huy H1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

* *Về nội dung:* Xét kháng cáo của người khởi kiện thấy rằng:

[3] Thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M tại các xã T, D, H, huyện T, thành phố Hải Phòng; UBND huyện T đã ban hành Quyết định 9832 thu hồi đất của gia đình ông Nguyễn Huy C để thực hiện dự án. Căn cứ mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần T2 lập, được Sở T3 thẩm định ngày 11/4/2017 phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án thì gia đình ông C, bà T đang sử dụng 159,3m² sau đó thay đổi thành 100m² tại thửa số 161 tờ bản đồ số 8 xã T, huyện T.

[4] Về nguồn gốc sử dụng đất: Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai thể hiện, theo sổ mục kê và bản đồ giải thửa lập năm 1984 thì diện tích đất gia đình ông C đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 213, tờ bản đồ 03 diện tích 236.629m², chủ sử dụng là Đàm Tân H2; căn cứ giấy chuyển nhượng đất được lập ngày 12/9/2002 thì bà Nguyễn Thị N chuyển nhượng cho ông Nguyễn Huy C và bà Hoàng Thị T diện tích 100m² (rộng 5m, dài 20m) nằm ở phía Tây quốc lộ A, trên đất có 01 căn nhà xây gạch ba banh lợp ngói đỏ cấp 5 chiều dài 5m rộng 4m với diện tích 20m²; giấy chuyển nhượng quyền sử dụng này đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng chứng thực thể hiện việc mua bán giữa các bên, nội dung chứng thực cụ thể: *“Kính chuyển quý cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên giải quyết giúp đỡ để các bên được sử dụng nhà đất hợp pháp do diện tích đất chưa được hợp pháp hóa theo quy định pháp luật”*. Quá trình sử dụng gia đình ông Nguyễn Huy C không kê khai, đăng ký và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất theo đúng quy định; quá trình sử dụng gia đình ông C cũng không thực hiện bất cứ nghĩa vụ gì về đất đối với Nhà nước. Tại thời điểm chuyển nhượng cũng không có căn cứ chứng minh bà N đã được cấp đất, công nhận quyền sử dụng đất; gia đình bà N cũng chưa được cấp GCNQSD đất theo quy định, nên chưa đủ căn cứ khẳng định tại thời điểm chuyển nhượng bà N là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất. Như vậy, ngoài giấy chuyển nhượng đất giữa bà N với vợ chồng ông C thì gia đình ông C, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp, giấy chuyển nhượng đất nêu trên không phải là một trong các loại giấy tờ về đất được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Theo UBND xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng thì đất do ông Nguyễn Huy C, bà Hoàng Thị T sử dụng là đất trồng cây từ trước ngày 01/7/2004. Do đó, chỉ đủ căn cứ xác định

nguồn gốc đất của gia đình ông C, bà T sử dụng là đất trồng cây từ trước ngày 01/7/2004.

[5] Về chỉ giới thu hồi đất: Nghị định 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ quy định: “Đối với đường tỉnh từ mép chân mái đường đắp và từ mép đỉnh mái đường đào hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hay rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên cụ thể: Hệ thống đường quốc lộ là 20m; hệ thống đường tỉnh là 10m”. Tại Công văn số 598-GTĐT ngày 09/9/2015 của Sở G về việc cấm cọc mốc chỉ giới và quản lý cọc trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ; Thông báo số 48-TB/UB ngày 09/7/2014 của UBND huyện T về việc tiếp tục thực hiện chỉ giới hành lang đường giao thông trên địa bàn huyện T. Theo đó, xác định phạm vi đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ tính từ tim đường hiện trạng ra hai bên của đường quốc lộ là 26m. Ngày 23/01/2006 Bộ giao thông vận tải ban hành Quyết định số 273/QĐ-BGTVT điều chỉnh Quốc lộ E và Quốc lộ A thuộc địa phận thành phố Hải Phòng. Theo đó, Quốc lộ A (đoạn từ ngã tư T đến B) chuyển đổi thành tỉnh lộ 359. Ngày 11/12/2014 Hội đồng nhân dân thành phố H ban hành Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐTP về duyệt quy hoạch giao thông vận tải đường bộ thành phố Hải Phòng đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; trong đó xác định đường tỉnh lộ 359B quy mô cấp IV, 2 làn xe nên chỉ giới hành lang an toàn giao thông tính từ tim đường hiện trạng ra hai bên của tỉnh lộ 359B là 18,5m. Tổng diện tích đất gia đình ông C, bà T sử dụng tại thửa số 161 tờ bản đồ số 08 là 159,3m²; trong đó: 55,9m² được xác định thuộc phạm vi 18,5m hành lang Tỉnh lộ 359 (tính từ tim đường); diện tích 37,3m² đất thuộc phạm vi điều chỉnh từ 26,0m còn 18,5m hành lang tỉnh lộ 359 (tính từ tim đường) không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở không đủ điều kiện được bồi thường về đất; phần diện tích còn lại là 66,1m² được xác định theo mục đích hiện trạng sử dụng đất là trồng cây lâu năm; chỉ được bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc trên đất theo các Quyết định số 9833/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Phương án số 18/PA-TCT đi kèm và Quyết định số 9832/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện T là đúng quy định

[6] Trên cơ sở trích lục nguồn gốc đất và diện tích thực tế mua bán chuyển nhượng, ngày 03/6/2022 tại biên bản làm việc thì gia đình ông Nguyễn Huy C, bà Hoàng Thị T đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tách phần diện tích 59,3m² đất của chị Ngô Thị L ra phương án riêng; đề nghị xét giao 01 suất tái định cư. Do đó, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 10902/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 về việc điều chỉnh Quyết định số 9832 với nội dung: “Thu hồi diện tích 159,3m² đất” thành “Thu hồi diện tích 100m² đất” UBND xã T quản lý, hộ ông Nguyễn Huy C thường trú tại quận Đ, thành phố Hải Phòng sử dụng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M tại xã T. Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh nguồn gốc sử dụng đất; các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 9832/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện T là có căn cứ.

[7] Trên cơ sở Quyết định 10902 về điều chỉnh diện tích thu hồi đất, ngày 15/6/2022 UBND huyện T ban hành tiếp Quyết định 10903/QĐ-UBND về việc

phê duyệt phương án điều chỉnh giảm bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ ông Nguyễn Huy C. Theo đó, điều chỉnh giảm bồi thường, hỗ trợ về đất là 948.000 đồng; điều chỉnh giảm kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư là 18.000 đồng. Giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện có trách nhiệm thu hồi số tiền 948.800 đồng của gia đình ông Nguyễn Huy C để hoàn trả ngân sách Nhà nước là có căn cứ đúng quy định pháp luật, nên ông C, bà T đề nghị được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất theo mức 8.000.000đ/m² không có căn cứ chấp nhận.

[8] Đối với tài sản trên đất là 01 căn nhà diện tích 24,5m² ông Nguyễn Huy C, bà Hoàng Thị T cho rằng do bão, lốc ngôi nhà cũ của bà Nguyễn Thị N bị xuống cấp nên vợ chồng ông bà có đập ra xây lại năm 2016 nhưng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh. Phía UBND xã T, huyện T, Hải Phòng khẳng định toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất của ông C, bà T được xây dựng sau ngày ban hành thông báo số 113/Tb-UBND ngày 17/4/2017 của UBND huyện T về việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng. Hơn nữa, việc ông C, bà T tự ý xây dựng nhà trên đất không đúng mục đích, khi xây dựng không xin phép và không được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng. Do đó, UBND huyện T không bồi thường 100% giá trị vật, kiến trúc trên đất của ông C, bà T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[9] Đối với yêu cầu của ông C, bà T được cấp 01 suất đất tái định cư, thấy: Như đã phân tích ở trên thì diện tích đất thu hồi của ông Nguyễn Huy C và bà Hoàng Thị T là đất hành lang giao thông và đất trồng cây lâu năm; không phải đất ở, nên không được bồi thường về đất; trên đất tuy có nhà nhưng được xác định là xây dựng không hợp pháp và sau khi có thông báo thu hồi đất, nên cũng không được bồi thường. Hơn nữa, tại thời điểm thu hồi đất thì ông C, bà T không trực tiếp sinh sống trên thửa đất này mà thực tế vợ chồng ông C đang sinh sống tại nơi khác, không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất, nên không thuộc trường hợp được giao đất vào khu tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[10] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính, thấy: Để thực hiện việc thu hồi đất, UBND huyện T đã ban hành kế hoạch về thu hồi đất, thông báo về thu hồi đất, đồng thời ban hành quyết định về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án và tiến hành họp để thông báo chủ trương thu hồi đất; tiến hành kiểm kê tài sản, xác định nguồn gốc sử dụng đất; sau khi thực hiện đầy đủ các bước trình tự theo đúng quy định; ngày 18/5/2022 UBND huyện C đã ban hành quyết định thu hồi đất, đồng thời cùng ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; đến ngày 15/6/2022 UBND huyện T ban hành Quyết định số 10902/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 9832 và Quyết định 11209 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Như vậy, về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đúng quy định tại Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã giải quyết vụ án đảm bảo đúng, đầy đủ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, ông C và bà T kháng cáo nhưng không có thêm tài liệu gì mới làm căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông C, bà T; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[11] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra ông C, bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nhưng ông C, bà T là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí, nên miễn án phí phúc thẩm cho ông, bà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Huy C và bà Hoàng Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2023/HC-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Huy C và bà Hoàng Thị T; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Huy C 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0001542, ngày 05/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THA dân sự thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm